TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **06**/2022/DS-ST
Ngày **10/3/2022**
Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2020/TLST- DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 07/02/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 23/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Thủy T** - sinh năm 1984

Địa chỉ: số 206, khu phố A, thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn chị Ngô Thị Thủy T :

Anh **Bùi Trung T** , sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B1, xã T , huyện V , thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn T** (Đặng) - sinh năm 1957 (có mặt)

Bà **Hoàng Thị Q** - sinh năm 1957 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Địa chỉ: số 419, ấp Đ , thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2020 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Bùi Trung T trình bày:***

Vào ngày 19/01/2020 chị T có cho ông Phạm Văn T (tên thường gọi là Đặng) vay số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), hẹn 6 tháng sẽ trả gốc lẫn lãi, với lãi suất 1,5%/tháng, không có thế chấp tài sản khi vay tiền. Ông T có làm biên nhận nợ tự viết và ký tên. Từ khi vay cho đến nay ông T chưa trả vốn và lãi cho chị T

Tại phiên toà anh Bùi Trung T yêu cầu Tòa án xử buộc vợ chồng ông Phạm Văn T , bà Hoàng Thị Q phải trả cho chị Ngô Thị Thủy T số tiền gốc 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 19/01/2020 cho ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/3/2022 là 25 tháng 19 ngày, anh Bùi Trung T đồng ý làm tròn 25 tháng tiền lãi bằng 93.375.000đ và yêu cầu trả trong thời gian 6 tháng dứt nợ.

*** Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:** Ông T xác nhận có hỏi vay của chị Ngô Thị Thủy T số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), với lãi suất 1,5%/tháng, biên nhận nợ ông T tự viết và ký tên, từ khi vay cho đến nay ông T chưa trả vốn và lãi.

Số nợ ông T vay của chị Thủy T thì vợ ông T là bà Hoàng Thị Q có biết, nhưng bà Q không muốn ra Tòa án, muốn ông T tự giải quyết vấn đề nợ này với chị Thủy T , ông T vay tiền của chị Thủy T để thanh toán nợ mua hàng hóa và trả tiền công thợ nhằm mục đích phát triển kinh tế trong gia đình, vì gia đình ông T kinh doanh tái chế nhựa để làm dây dệt lưới.

Tại phiên tòa ông T yêu cầu: Ông T thừa nhận vợ chồng ông T còn nợ tiền vay của chị T 543.375.000đ, trong đó vốn gốc 450.000.000đ, tiền lãi 93.375.000đ. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, ông T xin trả dần mỗi tháng vợ chồng ông T trả cho chị Thủy T 4.000.000đ cho đến khi hết số nợ 543.375.000đ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Tòa án huyện đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, xác định tư cách tham gia tố tụng theo quy định; tổ chức tiếp cận công khai chứng cứ, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, giao văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định.

- Thời gian chuẩn bị xét xử vụ án chưa phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc vi phạm này không ảnh hưởng lớn đến việc giải quyết vụ án, Thẩm phán cần rút kinh nghiệm.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Thủy T . Buộc bị đơn ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị Q trả cho chị Ngô Thị Thủy T số tiền là

450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), và lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 450.000.000đ, tính từ ngày 19/01/2020 đến ngày xét xử.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn T , bà Hoàng Thị Q có địa chỉ cư trú tại huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy nguyên đơn chị Ngô Thị Thủy T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm Văn T , bà Hoàng Thị Q thanh toán số tiền còn thiếu là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Thủy T yêu cầu Tòa án xử buộc bị đơn ông Phạm Văn T , bà Hoàng Thị Q trả số tiền còn thiếu 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T thừa nhận vợ chồng ông T còn nợ chị Thủy T số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay số tiền trên nhằm phát triển kinh tế trong gia đình, ông T kinh doanh tái chế nhựa để làm dây dệt lưới. Do đó vợ chồng ông T phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị Thủy T . Ông T cũng thừa nhận biên nợ do ông T viết và ký tên, đây là tình tiết, sự kiện có thật không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vợ chồng ông T đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu là 450.000.000đ, và tiền lãi theo quy định pháp luật, được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm. Số tiền gốc 450.000.000đ tính từ ngày viết biên nhận là ngày 19/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/3/2022 là 25 tháng 19 ngày, nguyên đơn đồng ý tính làm tròn là 25 tháng, cụ thể như sau: 450.000.000đ x 0,83% x 25 tháng = 93.375.000đ (Chín mươi ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 543.375.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Từ những nhận định nêu trên sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Phạm Văn T , bà Hoàng Thị Q trả cho nguyên đơn Ngô Thị Thủy T số tiền tổng cộng gốc và lãi là 543.375.000đ (Trong đó vốn gốc 450.000.000đ, tiền lãi 93.375.000đ)

Đối với yêu cầu của ông T về việc xin trả dần mỗi tháng trả 4.000.000đồng cho đến khi hết số nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu trả dần của bị đơn nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Phạm Văn T bà Hoàng Thị Q do là người cao tuổi nên được miễn án phí trên số tiền trả cho chị Ngô Thị Thủy T là 543.375.000đ được tính như sau:

400.000.000đ = 20.000.000đ

143.375.000đ x 4% = 5.735.000đ

Tổng cộng: = 25.735.000đ

Hoàn trả lại cho chị Ngô Thị Thủy T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), do yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thủy T được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Thủy T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn ông Phạm Văn T bà Hoàng Thị Q .

2. Buộc bị đơn ông Phạm Văn T bà Hoàng Thị Q phải trả cho chị Ngô Thị Thủy T số tiền tổng cộng gốc và lãi là 543.375.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng); tiền lãi là 93.375.000đ (Chín mươi ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Phạm Văn T bà Hoàng Thị Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm là 25.735.000đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) do là người cao tuổi.

- Hoàn trả lại cho chị Ngô Thị Thủy T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008041 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Hoàng Thị Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến